

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khí tượng thủy văn; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác của Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc

Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Xét Văn bản số 04/2026/VB-MA ngày 24/4/2026 của Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang công an nhân dân tại ô đất NO3 thuộc lô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 135/2026/CV-HCMCC ngày 13/5/2026 của Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của phòng Quản lý môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh, địa chỉ trụ sở chính tại số 381 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất NO3 thuộc lô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất NO3 thuộc lô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ô đất NO3 thuộc lô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100105077, đăng ký lần đầu ngày 09/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 26/01/2026 do phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính cấp.

1.4. Mã số thuế: 0100105077.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang công an nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng tại ô đất NO3 thuộc lô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Quy mô: Diện tích sử dụng đất của dự án 3.740 m². Diện tích xây dựng công

trình 1.683 m². Diện tích cây xanh khoảng 748 m². Mật độ xây dựng ≤ 45%. Tầng cao công trình: 35 tầng và 1 tum thang. Số tầng hầm: 03 tầng hầm. Tổng số căn hộ: khoảng 476 căn. Dân số: khoảng 1.475 người.

(theo Quyết định số 1787/QĐ-BCA-H02 ngày 08/4/2026 của Bộ Công an về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư thực hiện dự án và Văn bản số 954/UBND-KTHTĐT ngày 08/5/2026 của UBND phường Cầu Giấy về việc quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 của dự án).

+ Dự án tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công).

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất ô nhiễm, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Cầu Giấy và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- UBND phường Cầu Giấy;
- Công ty cổ phần xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, QLMT.

MHS: H26.103-260424-101667.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số 267/GPMT-SNNMT

ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại dự án.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên phố Trần Thái Tông, thuộc địa bàn phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải, sau đó xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

2.3. Vị trí xả nước thải: Điểm đầu nối tại hố ga nằm trên hệ thống thoát nước chung trên phố Trần Thái Tông, thuộc địa bàn phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): X = 2326629; Y = 581754.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Cường bức.

2.6. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.7. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2025/BTNMT(cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung và QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Theo đề xuất của chủ đầu tư (**)
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/L	≤ 35	
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90	
	Hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/L	≤ 45	

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 60
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 8,0
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 30
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 6,0
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 5.000
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,5
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 15
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0
12	Clo dư (*)	mg/L	≤ 2,0
13	Chloroform (*)	mg/L	≤ 0,8
<i>Chú thích: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng TOC hoặc COD</i>			

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

(*) Theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

(**) Theo đề xuất của Chủ dự án đầu tư (tần suất 1 năm/lần).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt (Nước thải xí tiêu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; Nước thải từ chậu rửa, thoát sàn,...; Nước thải từ nhà bếp xử lý qua bể tách mỡ); Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi. Tất cả được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải, công suất 350 m³/ngày đêm.

Sau khi hệ thống thoát nước của Thành phố được đầu tư và xây dựng hoàn thiện theo quy hoạch, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Thành phố để về Trạm xử lý nước thải Phú Đô theo đúng quy hoạch.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí - MBBR → Ngăn tuần hoàn → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Ethanol, NaHCO₃, PAC (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra Hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu chứa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải do Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng phải bảo đảm thời gian, tần suất quan trắc chất thải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định. Thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ

sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải:

Mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom bằng hệ thống gồm: quạt hút, đường ống, tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch hấp thụ là NaOH), sau đó xả lên mái tòa nhà.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

*(kèm theo Giấy phép môi trường số 267/GPMT-SNNMT
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	30
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có chứa linh kiện điện tử thải	60
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải (nhiễm chất thải nguy hại)	25
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	120
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	130
	Tổng	365

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Tổng khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 7.800 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 962 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Kho lưu chứa CTNH đặt tại tầng hầm 1, diện tích 7 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền chống thấm. Khu lưu giữ CTNH phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng,...). Chất thải nguy hại được định

kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại Bể chứa bùn của Hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ chuyển giao Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Phòng chứa rác tại mỗi tầng, diện tích mỗi phòng 3 m².
- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại tầng hầm 1, diện tích 25 m².
- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường.
- Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của thành phố Hà Nội.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số 267/GPMT-SNNMT

ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/5/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động Quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 10/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội tăng cường các biện pháp cấp bách về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2025/BNNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT về độ rung.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

5. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

10. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

11. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn Luật.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.